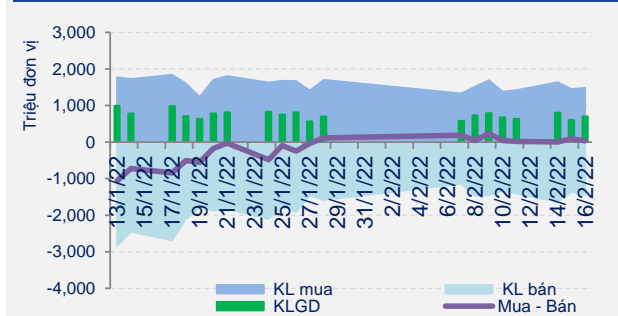
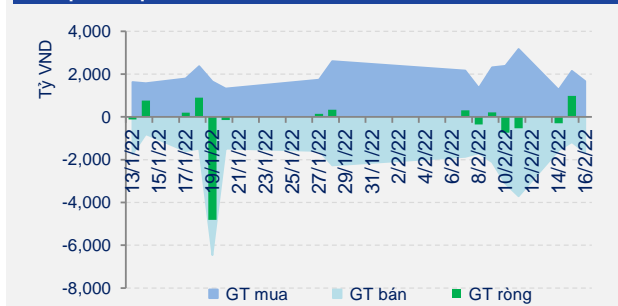


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/2/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,492.10	429.12
% Thay đổi	↓ -0.04%	↑ 1.25%
KLGD (CP)	702,521,711	83,564,393
GTGD (tỷ đồng)	20,045.90	2,417.69
Tổng cung (CP)	1,450,981,300	109,224,600
Tổng cầu (CP)	1,481,384,000	104,153,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	45,960,517	867,500
KL mua (CP)	45,839,717	400,100
GT mua (tỷ đồng)	1,667.25	9.80
GT bán (tỷ đồng)	1,678.82	23.22
GT ròng (tỷ đồng)	(11.57)	(13.42)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.40%	20.7	3.4	1.1%
Công nghiệp	↑ 2.02%	22.3	3.2	15.0%
Dầu khí	↑ 0.13%	19.0	2.2	3.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.02%	-	11.2	3.4%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.18%	15.8	2.4	0.4%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.37%	18.8	3.8	11.5%
Ngân hàng	↓ -0.73%	12.7	2.4	20.9%
Nguyên vật liệu	↑ 0.79%	9.6	2.3	11.5%
Tài chính	↑ 0.61%	23.5	3.2	30.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -1.35%	19.2	2.9	3.0%
VN - Index	↓ -0.04%	17.4	3.2	
HNX - Index	↑ 1.25%	23.0	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường cố gắng chinh phục ngưỡng 1.500 điểm ngay từ đầu phiên nhưng đã thất bại. Sau đó là những nhịp giằng co cũng như rung lắc nhẹ quanh ngưỡng tham chiếu và kết phiên với mức giảm rất nhẹ. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 0,65 điểm (-0,04%) xuống 1.492,1 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 249 mã tăng (23 mã tăng trần), 59 mã tham chiếu, 183 mã giảm (1 mã giảm sàn). Tâm điểm thị trường trong phiên hôm nay có lẽ là nhóm bất động sản và xây dựng khi dòng tiền đổ vào nhóm này khiến cho hàng loạt mã tăng mạnh, thậm chí tăng trần CEO (+9,9%), FLC (+6,8%), CII (+7%), DIG (+7%), LDG (+6,8%), SCR (+6,9%), NBB (+6,9%), DRH (+6,9%), PVL (+9,3%), QCG (+6,9%), VRC (+6,9%), ROS (+7%), PTC (+6,9%), L18 (+9,9%), NHA (+6,8%)... Bên cạnh đó, các cổ phiếu thép cũng có diễn biến khá tích cực với HSG (+1,4%), VGS (+2,7%), SMC (+1%), POM (+1,4%), TIS (+1,6%)... Ở chiều ngược lại, nhóm ngân hàng tiếp tục làm buồn lòng các nhà đầu tư khi mà đa phần các mã trong nhóm này đều kết phiên với mức giảm nhẹ TCB (-0,4%), LPB (-1,2%), MBB (-0,2%), CTG (-0,9%), VPB (-0,8%), ACB (-0,9%), BID (-2,3%), HDB (-0,8%), TPB (-0,9%), VIB (-1,3%)... Ngoài ra, các mã trụ cột khác cũng không thực sự tích cực, có thể kể đến như VNM (-1%), NVL (-1,1%), VIC (-1%), MSN (-1,5%), GAS (-2,5%), MWG (-0,3%), SAB (-0,9%)... là những nguyên nhân chủ yếu khiến thị trường không thể kết phiên trong sắc xanh.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường thất bại trước ngưỡng tâm lý 1.500 điểm ngay từ đầu phiên và đi ngang kèm với giằng co nhẹ quanh ngưỡng tham chiếu trong suốt thời gian còn lại. Đây là diễn biến tương đối khó chịu đối với các nhà đầu tư nên thanh khoản trong phiên hôm nay tiếp tục dưới mức trung bình thể hiện việc dòng tiền vẫn chưa thực sự quay trở lại thị trường. Chỉ số VN-Index tiếp tục bị kẹp giữa hai ngưỡng hỗ trợ 1.480 điểm (MA20-50) và kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Phiên giao dịch tiếp theo 17/2 sẽ là ngày đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 2/2022 nên những diễn biến của thị trường thường rất khó biến và có thể sẽ có biến động mạnh về một chiều vào khoảng thời gian cuối phiên, nhất là trong phiên ATC. Nhà đầu tư cần biết điều này để tránh những bất ngờ không cần thiết. Về chiến lược giao dịch vẫn không có gì thay đổi: đối với các nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như bản tin khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và đứng ngoài quan sát thị trường.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

16/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm vào đầu phiên sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.499,5 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.486,68 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 0,65 điểm (-0,04%) xuống 1.492,1 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 2.900 đồng, BID giảm 1.050 đồng, VIC giảm 800 đồng. Ở chiều ngược lại, DIG tăng 5.500 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện ngay từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 429,53 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 5,28 điểm (+1,25%) lên 429,12 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 6.000 đồng, L14 tăng 32.800 đồng, IDJ tăng 1.100 đồng. Ở chiều ngược lại, KSF giảm 1.100 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 9,34 tỷ đồng. VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 79,7 tỷ đồng tương ứng với 989 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 55,4 tỷ đồng tương ứng với 1,2 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VHM là mã được mua ròng nhiều nhất với 67,1 tỷ đồng tương ứng với 838 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 13,53 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 467,4 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 18,3 tỷ đồng tương ứng với 633,8 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là APS với 584 triệu đồng tương ứng với 17,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PLC là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 2,4 tỷ đồng tương ứng với 56 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giằng co nhẹ trong phiên hôm nay và kết phiên với mức giảm nhẹ, thanh khoản khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là bên mua và bên bán vẫn đang phân vân ở thời điểm hiện tại và dòng tiền vẫn chưa thực sự quay trở lại thị trường.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giao dịch tương đối giằng co như hôm nay (-0,04%) thì chỉ số VN-Index tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ 1.480 điểm (MA20-50) và dưới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Điều này khiến cho thị trường vẫn chỉ đang ở trong xu hướng giằng co và rung lắc chứ chưa thật sự quay trở lại xu hướng tăng mạnh mẽ khi chưa vượt được ngưỡng tâm lý 1.500 điểm

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 17/2, chỉ số VN-Index có thể biến động khó lường, nhất là trong phiên ATC khi đây cũng là ngày đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 2/2022.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Chính phủ đồng ý mở cửa hoàn toàn du lịch từ 15/3

Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đồng ý với đề xuất mở cửa lại hoạt động du lịch trong điều kiện bình thường mới từ 15/3. Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch sớm công bố phương án mở cửa trở lại hoạt động du lịch và có hướng dẫn cụ thể để địa phương tổ chức thực hiện.



TIN TRONG NƯỚC

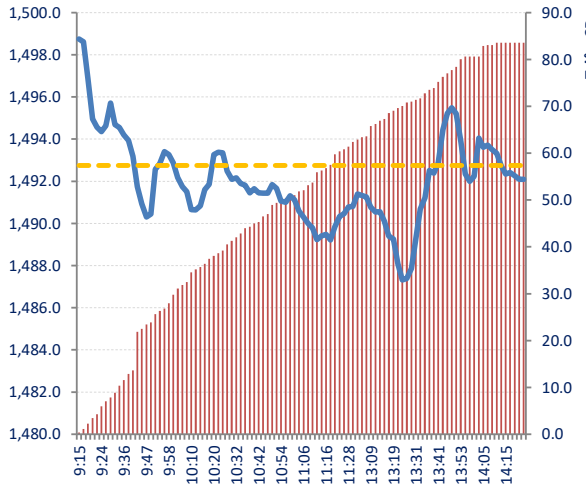
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,75 - 62,45 triệu đồng/lượng, giảm 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 3 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 16/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.119 VND/USD, tăng 3 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

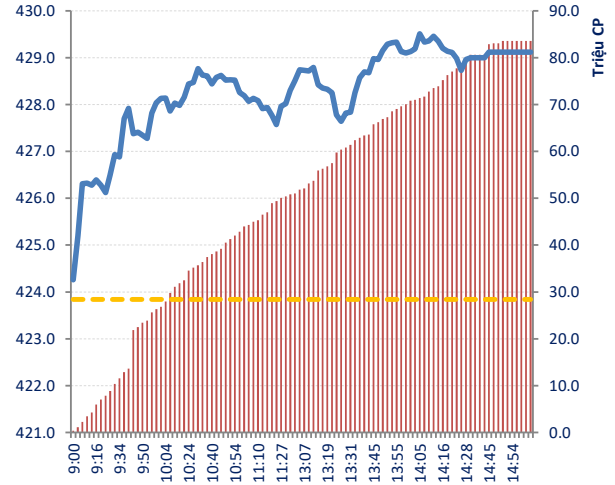
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 1,85 USD/ounce tương ứng với 0,1% lên 1.858,4 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,168 điểm tương ứng 0,18% xuống 95,825 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1379 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3561 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,71 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,02 USD/thùng tương ứng với 1,1% lên 93,06 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/2, Dow Jones tăng 422,67 điểm tương đương 1,22% lên 34.988,84 điểm. Nasdaq tăng 348,84 điểm tương đương 2,53% lên 14.139,76 điểm. Nasdaq Composite tăng 69,4 điểm tương đương 1,58% lên 4.471,07 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

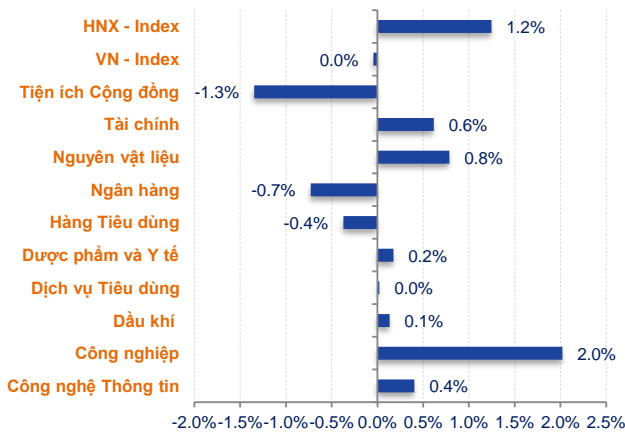
KLGD và VN-Index trong phiên



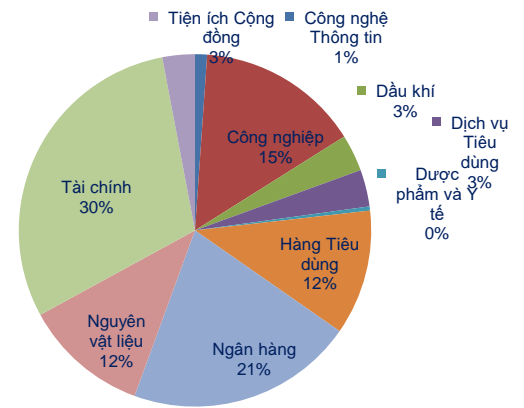
KLGD và HNX-Index trong phiên



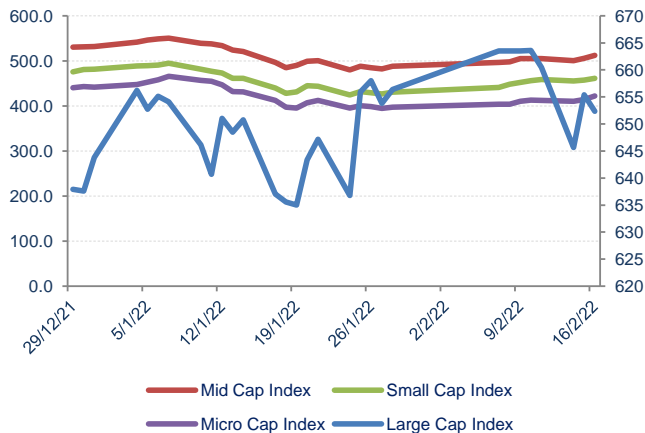
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



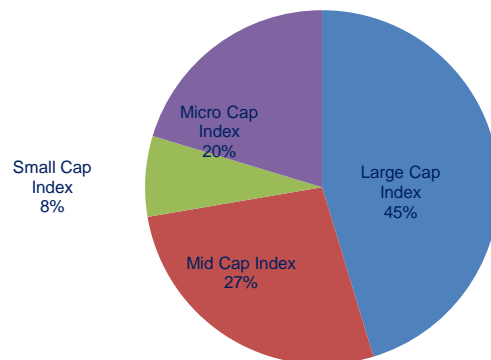
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,576,400	HPG	1,203,300
2	FLC	1,131,600	HDB	1,170,600
3	TCH	886,300	VNM	988,900
4	VHM	838,300	DCM	700,200
5	ROS	828,700	DXG	692,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SCI	80,300	PVS	633,800
2	PLC	56,000	EID	21,900
3	KLF	51,500	GMX	21,400
4	PVI	22,100	PBP	17,900
5	DL1	20,600	APS	17,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	11.65	11.10	↓ -4.72%	38,546,500
FLC	11.70	12.50	↑ 6.84%	32,839,300
EIB	37.25	35.80	↓ -3.89%	21,894,017
STB	33.50	33.60	↑ 0.30%	20,057,100
GEX	36.95	39.00	↑ 5.55%	19,376,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	29.30	29.20	↓ -0.34%	9,495,091
KLF	6.00	6.30	↑ 5.00%	8,478,669
CEO	60.90	66.90	↑ 9.85%	6,304,829
NVB	30.60	30.70	↑ 0.33%	6,152,200
SHS	41.10	41.50	↑ 0.97%	4,122,101

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
EMC	17.90	19.15	1.25	↑ 6.98%
SGN	76.00	81.30	5.30	↑ 6.97%
ROS	7.46	7.98	0.52	↑ 6.97%
DIG	78.90	84.40	5.50	↑ 6.97%
MDG	13.65	14.60	0.95	↑ 6.96%

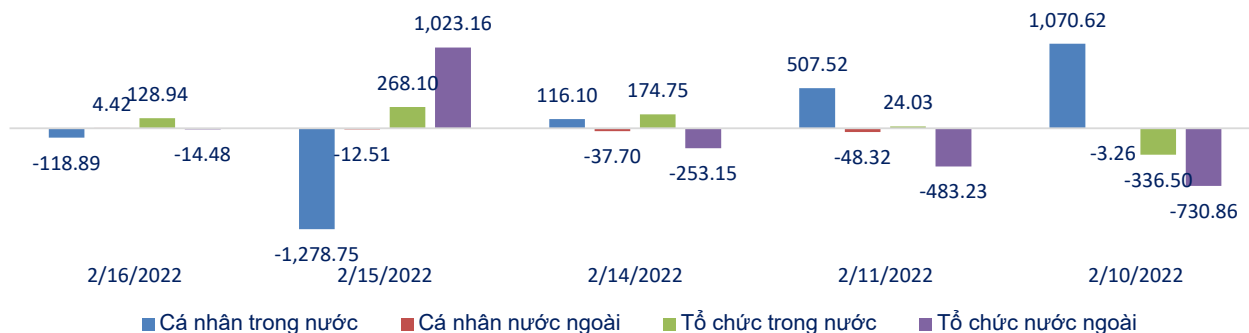
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGD	14.00	15.40	1.40	↑ 10.00%
PHN	35.40	38.90	3.50	↑ 9.89%
HGM	38.50	42.30	3.80	↑ 9.87%
L18	57.80	63.50	5.70	↑ 9.86%
CEO	60.90	66.90	6.00	↑ 9.85%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PDN	106.40	99.00	-7.40	↓ -6.95%
TDP	26.50	24.80	-1.70	↓ -6.42%
VSI	23.50	22.00	-1.50	↓ -6.38%
PGD	33.50	31.90	-1.60	↓ -4.78%
HAG	11.65	11.10	-0.55	↓ -4.72%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
INC	13.30	12.00	-1.30	↓ -9.77%
GDW	34.80	31.40	-3.40	↓ -9.77%
VNT	76.80	69.30	-7.50	↓ -9.77%
ADC	27.90	25.20	-2.70	↓ -9.68%
L40	37.20	33.60	-3.60	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	109.99	1.1%	224	127.3	1.2
VNM	98.65	30.3%	5,042	16.1	4.7
HNG	80.17	0.7%	51	176.6	1.2
HPG	72.67	46.0%	7,708	6.0	2.3
NVL	70.77	8.8%	1,695	46.6	3.7

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	-453.39	30.3%	4,127	11.2	3.0
FLC	-81.76	0.7%	119	98.3	0.9
VHM	-64.06	35.3%	9,036	8.9	2.6
STB	-55.17	10.8%	1,855	18.1	1.8
TCB	-33.63	21.5%	5,144	10.1	2.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	3.85	19.6%	1,992	35.3	3.6
DXG	2.14	10.3%	1,942	19.2	1.7
VNM	1.58	30.3%	5,042	16.1	4.7
PLX	1.45	10.8%	2,258	26.1	2.7
BVH	1.36	8.8%	2,535	21.6	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	-2.75	30.6%	5,618	17.5	4.6
STB	-2.55	10.8%	1,855	18.1	1.8
SKG	-1.60	-4.6%	(609)	-	1.6
DVP	-1.52	20.9%	6,928	8.6	1.7
GAS	-1.46	17.1%	4,531	25.9	4.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIB	453.98	30.3%	4,127	11.2	3.0
FLC	68.10	0.7%	119	98.3	0.9
TCB	33.63	21.5%	5,144	10.1	2.1
NKG	20.77	50.0%	10,423	3.8	1.5
HVN	13.65	-832.8%	(7,832)	-	39.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-111.31	1.1%	224	127.3	1.2
HNG	-81.25	0.7%	51	176.6	1.2
MSN	-42.46	25.4%	7,269	22.1	4.5
KBC	-39.52	5.8%	1,587	36.4	2.2
NVL	-38.08	8.8%	1,695	46.6	3.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	67.89	35.3%	9,036	8.9	2.6
STB	55.39	10.8%	1,855	18.1	1.8
MSN	46.90	25.4%	7,269	22.1	4.5
GMD	32.67	8.9%	2,007	24.4	2.1
VCG	25.77	5.5%	965	45.0	2.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-81.29	30.3%	5,042	16.1	4.7
HPG	-55.65	46.0%	7,708	6.0	2.3
HDB	-34.33	21.8%	3,035	9.7	1.9
NVL	-32.29	8.8%	1,695	46.6	3.7
DXG	-28.12	10.3%	1,942	19.2	1.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	38,546,500	2.5%	199	58.7	2.3
FLC	32,839,300	3250.0%	119	98.3	0.9
EIB	21,894,017	5.6%	785	47.4	2.6
STB	20,057,100	10.8%	1,855	18.1	1.8
GEX	19,376,100	7.3%	1,490	24.8	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	9,495,091	4.7%	1,260	23.3	1.1
KLF	8,478,669	0.4%	40	148.5	0.6
CEO	6,304,829	2.7%	362	168.2	4.4
NVB	6,152,200	0.0%	3	9,155.7	2.8
SHS	4,122,101	25.5%	2,919	14.1	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
EMC	↑ 7.0%	2.0%	207	86.4	1.7
SGN	↑ 7.0%	6.3%	1,599	47.5	3.1
ROS	↑ 7.0%	1.6%	168	44.5	0.7
DIG	↑ 7.0%	15.3%	2,210	35.7	5.1
MDG	↑ 7.0%	10.1%	1,515	9.0	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SGD	↑ 10.0%	1.6%	274	51.1	0.9
PHN	↑ 9.9%	27.0%	4,194	8.4	2.3
HGM	↑ 9.9%	40.9%	5,907	6.5	3.0
L18	↑ 9.9%	4.5%	683	84.7	4.1
CEO	↑ 9.9%	2.7%	362	168.2	4.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,576,400	10.8%	1,855	18.1	1.8
FLC	1,131,600	0.7%	119	98.3	0.9
TCH	886,300	4.8%	982	21.1	1.1
VHM	838,300	35.3%	9,036	8.9	2.6
ROS	828,700	1.6%	168	44.5	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SCI	80,300	32.5%	5,344	5.3	1.7
PLC	56,000	12.0%	1,940	21.8	2.5
KLF	51,500	0.4%	40	148.5	0.6
PVI	22,100	11.2%	3,722	13.0	1.6
DL1	20,600	2.0%	217	49.3	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	411,729	21.3%	4,629	18.8	3.7
VHM	348,349	35.3%	9,036	8.9	2.6
VIC	319,226	-1.9%	(717)	-	2.0
BID	233,704	12.7%	2,090	22.1	2.7
GAS	224,698	17.1%	4,531	25.9	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,760	21.8%	2,805	61.9	9.6
KSF	33,600	9.1%	1,387	80.8	5.6
IDC	20,310	9.6%	1,508	44.9	4.3
VCS	17,216	40.6%	11,096	9.7	3.5
BAB	17,171	8.3%	964	23.6	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	4.22	8.9%	1,047	38.7	3.0
KHP	3.40	7.2%	836	18.9	1.3
VND	3.36	19.6%	1,992	35.3	3.6
DRH	3.25	1.6%	232	97.6	1.6
TVS	3.16	20.3%	2,312	21.1	3.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.43	7.0%	343	34.4	2.3
CEO	2.88	2.7%	362	168.2	4.4
ART	2.74	0.1%	16	642.4	0.9
L18	2.67	4.5%	683	84.7	4.1
VC7	2.61	3.3%	269	75.1	1.8



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
